



Chương IV

Diệu Đế Thứ Ba

(*Chân lý về Sự Chấm Dứt Khổ*)

Diệu Đế Thứ Ba là: có sự thoát khỏi, có sự tự do, có sự giải thoát khỏi sự “Khổ”. Đó là sự chấm-dứt sự liên tục của “Khổ”. Diệu Đế này là “chân lý” về sự Chấm-Dứt Khổ (*Dukkha-nirodha-ariyasacca*). Đó là *Niết-bàn* (*Nibbāna*).

Để chấm dứt sự *Khổ* một cách hoàn toàn thì rõ ràng chúng ta phải loại trừ tận gốc nguyên-nhân gây ra *Khổ*, đó chính là *Dục-Vọng* (*tanhā*) mà chúng ta mới thảo luận trong chương kể trước. Vì vậy, chữ *Niết-bàn* cũng được gọi là “*tanha-kkhaya*”: *sự tắt ngấm dục-vọng*, hay *sự diệt-ái*.

+ Bây giờ bạn sẽ đặt câu hỏi: *Nhưng Niết-bàn là gì?* Đã có rất nhiều giấy mực sách vở được viết ra nhằm trả lời cho câu hỏi tự nhiên và đơn giản này, tuy nhiên những cách đó chỉ càng ngày càng làm cho vấn đề thêm rắc rối phức tạp hơn, thay vì làm sáng tỏ *Niết-bàn* đích thực là gì.

Chỉ có một cách trả lời hợp lý nhất đó là: Câu hỏi này không bao giờ có thể được trả lời một cách đầy đủ và thoả đáng bằng ngôn ngữ được, bởi vì ngôn ngữ của con người là quá nghèo nàn để mà diễn đạt được tính chất đích thực của Sự Thật Tuyệt Đối, đó là *Niết-bàn*.

Ngôn ngữ được tạo ra và sử dụng bởi con người chúng ta để diễn đạt những sự vật, sự việc, và ý tưởng theo cách trải nghiệm và nhận thức của những giác-quan và tâm-trí của con người. Còn sự trải nghiệm siêu phàm siêu thế như sự trải nghiệm về Sự Thật Tuyệt Đối thì không thể nhận thức được bằng các giác-quan hay tâm-trí một cách dễ dàng. Do vậy, không thể có ngôn từ nào diễn tả được sự trải nghiệm tuyệt đối đó, cũng như con cá không thể có ngôn từ nào trong ngôn ngữ của nó để diễn tả về đất đai trên bờ (vì nó chưa bao giờ có trải nghiệm bước đi trên đất liền).

Con rùa kể cho người bạn Cá rằng Rùa mới quay trở lại hồ nước sau một cuộc ‘đi bộ trên đất liền’. Cá liền nói: “À, ý của bạn là bạn ‘bơi’ phải không”. Con Rùa cố gắng giải thích cho Cá là không thể nào ‘bơi’ trên đất liền được, vì đất là thể cứng, và ai cũng đi bộ trên mặt đất. Nhưng Cá thì cứ khẳng định rằng không thể tồn tại thứ gì như kiểu ‘mặt đất’ đó, nó phải là thể lỏng như nước hồ, có sóng, và ai cũng có thể bơi lặn trong đó. (Kiểu như: người phàm tục ở trần gian với những khái-niệm phàm tục mà muốn hiểu trạng thái siêu trần gian và vượt khỏi khái-niệm phàm tục. Người không chứng ngộ trạng thái Niết-bàn thì không thể hiểu Niết-bàn, như Cá ở trong cảnh giới nước không thể hiểu cảnh giới trên mặt đất).

Ngôn từ chỉ là những biểu tượng dùng để thể hiện những sự vật và ý tưởng mà chúng ta biết được; nhưng những biểu tượng đó không và nhiều khi còn **không thể** chuyển tải bản chất đích thực của ngay cả những sự vật thông thường. Ngôn ngữ được xem là đánh lừa, làm lạc hướng con người nên con người khó mà có thể hiểu được Sự Thật. Vì vậy, *Kinh Lăng Già* của Đại Thừa

(*Lankavatara-sutra*) có ghi rằng: “Kẻ ngu bị mắc bẫy trong ngôn từ, như con voi mắc lầy.”¹

Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể làm gì được nếu không có ngôn ngữ. Nhưng mà, khi chữ Niết-bàn được diễn đạt và giải thích bằng những ngôn từ mang tính khẳng định, thì hầu như lập tức chúng ta dễ chụp lấy một ‘ý tưởng’ dính liền với những từ ngữ đó, thậm chí có khi lại là một ‘ý tưởng’ có thể hoàn toàn ngược lại.

Do vậy, Niết-bàn thường được diễn tả bằng những ngôn từ ở dạng phủ định,² có lẽ đây là cách ít nguy hiểm hơn. Vì vậy, nó (Niết-bàn) thường được nói đến bằng chữ phủ định như: *Tanha-kkhaya* (sự tắt ngấm dục vọng, sự diệt-ái), *Asamkhata* (sự không còn điều-kiện, sự vô-vi), *Virāga* (sự vắng-dục, sự hết tham-muốn), *Nirodha* (sự chấm-dứt, sự diệt), *Nibbāna* (sự thối-tắt, sự tắt-đi, sự tắt-ngấm).

+ Chúng ta cùng xem xét một số lời định nghĩa và mô tả sau đây về Niết-bàn, chúng được thấy ghi trong trong các kinh nguyên thủy Pāli:

¹ *Kinh Lăng-Già* (Lanka Sutra), trang 113.

² Thực ra cũng có một số chữ mang nghĩa khẳng định đã được dùng để diễn tả Niết Bàn, ví dụ như: *Siva* (Sự mang lại điều lành), *Khema* (Sự an-toàn), *Suddhi* (Sự tinh-khiết, Sự thanh-tịnh), *Dipa* (Hòn đảo), *Sarama* (Nơi nương tựa), *Tana* (Sự Bảo vệ), *Para* (Bờ bên kia; Bỉ ngạn); *Santi* (Sự bình-an, Sự tinh-mặc).

- Có 33 chữ đồng nghĩa chỉ “Niết-bàn” trong chương *Liên-kết* “Vô-Vĩ” (*Asamkhata-samyutta*), tức chương 43 của *Bộ Kinh Liên-Kết* (SN). Hầu hết những chữ đó đều mang ý nghĩa ẩn dụ. (Các kinh SN 43:01—44, Quyển 4).

- “Chính sự chắm-dứt hoàn toàn “sự thèm-khát” đó (dục-vọng, *tanhā*), là sự từ-bỏ nó, sự buông-bỏ nó, sự giải-thoát khỏi nó, sự tách-ly khỏi nó.”³
- “Sự làm lảng-lặn mọi sự có điều-kiện (vô vi), sự dẹp-bỏ mọi ô-nhiễm, sự tắt ngấm dục-vọng, sự giải-thoát, sự chắm-dứt, Niết-bàn”.⁴
- “Này các Tỳ kheo, cái gì là sự Tuyệt-Đối? (*Asamkhata: sự không còn điều-kiện, sự vô-vi*). Này các Tỳ kheo, đó là sự không-còn *tham* (*rāga-kkhayo*), sự không-còn *sân* (*dosa-kkhayo*), sự không-còn *si* (*moha-kkhayo*). Điều này gọi là sự Tuyệt-Đối.”⁵
- “Này Rādha, sự tắt-ngấm dục-vọng (*tanha-kkhayo*, diệt ái hay ái tận) là Niết-bàn.”⁶
- “Này các Tỳ kheo, trong tất cả các pháp, dù là hữu vi hay vô vi, thì trong đó tách-ly (*viraga*) là cao quý nhất. Để nói đó là, sự thoát-khỏi sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự tiêu-diệt dục-vọng⁷, sự bứng-bỏ sự dính-mắc, sự cắt-đứt sự liên-tục, và sự tắt-bặt sự thèm-khát (dục-vọng), sự tách-ly, sự chắm-dứt, Niết-bàn.”⁸

³ Mhvg (Alutgama, 1922) trang 10; SV tr 421. Thật lý thú khi biết rằng định nghĩa về *Sự Diệt Khổ* (*Nirodha*) trong *Bài Thuyết Giảng Đầu Tiên* của Đức Phật tại khu Vườn Nai ở Sarnath không hề có chữ “Niết-bàn” nào cả, mặc dù định nghĩa của nó thì cũng có nghĩa đó (Niết-bàn).

⁴ S I, trang 136.

⁵ Ibid IV, trang 359.

⁶ Ibid III, trang 190.

⁷ Ở đây, chữ gốc là *pipasa* có nghĩa là “sự thèm-khát”, tức dục-vọng.

⁸ A (PTS) II, trang 34.

— Khi có một du sĩ ngoại đạo (*parivrajaka*) hỏi Niết-bàn là gì, ngài Xá-Lợi-Phất, vị đệ tử lỗi lạc của Phật, cũng đã trả lời giống như định nghĩa về sự vô-vi (*asamkhata*) như Đức Phật đã nói (ở trên): đó là sự (tắt ngấm) không-còn *tham*, sự không-còn *sân*, sự không-còn *si*.

— “Sự (tắt ngấm) dập tắt *tham* muốn, sự tắt ngấm *sân* hận, sự tắt ngấm ảo tưởng (*sự dập tắt Tham, Sân, Si*).”⁹

— “Sự dẹp-bỏ và tiêu-diệt *tham*-muốn và dục-vọng đối với Năm Uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn): đó là sự chấm-dứt *Khổ*.”¹⁰

— “Sự chấm-dứt sự liên-tục hiện-hữu và sự trở-thành (*bhavanirodha*) là Niết-bàn”.¹¹

+ Và thêm nữa, khi nói về “*Niết-bàn*”, Đức Phật đã nói:

— “Này các Tỳ kheo, có những thứ không (còn) được sinh, không được sinh trưởng, không bị điều-kiện (vô vi). Nếu không có những thứ không (còn) được sinh, không được sinh trưởng, không bị điều-kiện (vô vi), thì sẽ không có lối-thoát cho những thứ (còn) được sinh, được sinh trưởng, và bị điều-kiện (hữu vi). Nhưng bởi vì có những thứ không (còn) được sinh, không được sinh trưởng, không bị điều-kiện (vô vi), nên có lối-thoát cho những thứ (còn) được sinh, được sinh trưởng, và bị điều-kiện (hữu vi).”¹²

⁹ S (PTS) IV, trang 251.

¹⁰ Lời của ngài Xá-Lợi-Phất (Sariputta). MI (PTS) trang 191.

¹¹ Lời của ngài Musila, một đệ tử khác của Đức Phật. S II (PTS) trang 117.

¹² Ud (Colombo, 1929) trang 129.

— “Ở đây (trạng thái Niết-bàn), bốn yếu tố tứ đại đất, nước, lửa và gió không có chỗ; nhưng ý niệm về chiều dài và rộng, sự tinh tế và thô sơ, sự xấu và tốt, tên (danh) và hình-thức (sắc) tất cả đều bị hủy diệt; không còn là thế giới này hay cõi nào; không còn sự-đến, sự-đi, sự-đứng; không còn sự chết hay sự sống; không còn thấy những đối-tượng giác quan (dục).”¹³

Bởi vì *Niết-bàn* được diễn tả bằng thể “*phủ định*” như vậy, cho nên rất nhiều người nhầm tưởng rằng nó là phủ định hay tiêu cực và biểu lộ sự diệt-vong của bản ngã. *Niết-bàn* chắc chắn không phải là sự hủy-diệt cái ‘ngã’ hay cái ‘Ta’, bởi vì làm gì có cái ‘Ta’ hay bản ‘ngã’ nào để hủy diệt. Nếu có đi chăng nữa, thì đó là sự hủy-diệt cái *ảo-tưởng* (si mê), là sự hủy-diệt cái *ý tưởng sai lầm về cái ‘Ta’* (than kiến, ngã kiến, ngã chấp) mà thôi. Nếu nói rằng *Niết-bàn* là tiêu cực hay tích cực thì không đúng. Nhưng cái ý tưởng về nghĩa ‘tiêu cực’ hay ‘tích cực’ đều chỉ là tương đối (do so sánh mà có) và chúng đều thuộc phạm vi của hai mặt đối đãi, nhị nguyên. Những từ ngữ (đối đãi, nhị nguyên) đó không thể nào có thể được dùng để mô tả *Niết-bàn* hay *Sự Thật Tuyệt Đối* cho được, vì *Niết-bàn* và *Sự Thật Tuyệt Đối* vượt trên khỏi sự so sánh, đối đãi, nhị nguyên.

Một ngôn từ phủ định không nhất thiết là để chỉ một trạng thái phủ định. Ví dụ trong tiếng Pāli hay tiếng Phạn thì chữ để chỉ “*sức khỏe*” là *arogya* lại là một chữ ở thể phủ định, có nghĩa là “*sự không bệnh đau*”. Nhưng chữ *arogya* (sức khỏe, không bệnh đau) không diễn tả một trạng thái phủ định hay tiêu cực. Chữ “*bất tử*” [tiếng Anh là: *im-mortal*, tiếng Phạn là: *Amrta*, tiếng Pāli là:

¹³ Ibid, trang 128; D I (Colombo, 1929) trang 172.

Amata] cũng là một chữ ở thể phủ định nhưng đồng nghĩa với chữ “*Niết-bàn*”, nhưng nó không diễn tả một trạng thái phủ định hay tiêu cực. *Sự phủ-định của phủ-định thì không phải là phủ-định!* Một trong những từ đồng nghĩa với “*Niết-bàn*”, là chữ ‘*Sự giải-thoát*’, tức ‘*Sự tự-do*’ (tiếng Pāli: *Mutti*, tiếng Phạn: *Mukti*). Không ai có thể nói rằng “sự giải-thoát” hay “sự tự-do” là tiêu cực cho được. Ngay cả sự giải-thoát hay sự tự-do có mặt tiêu cực đi chăng nữa thì đó cũng là sự giải-thoát, sự tự-do *khỏi* những cái gì chướng-ngại, khỏi những điều xấu hay điều tiêu cực mà thôi. Nhưng bản thân “sự giải thoát” hay “sự tự do” thì không phải là tiêu cực.

Vì vậy, “*Niết-bàn*”, *Mutti* hay *Vimutti*, *Sự Tự-Do Tuyệt Đối* là sự tự do *khỏi* mọi sự xấu-ác, *khỏi* tham, sân, si; sự thoát khỏi những điều thuộc về sự hai-mặt đối đãi, nhị nguyên, sự tương-đối, thời gian và không gian.

+ Chúng ta có thể tìm thấy thêm ý-tưởng về “*Niết-bàn*” là *Sự-Thật Tuyệt Đối* trong bài kinh “*Phân Biệt Giới*” (*Dhātu-vibhanga Sutta*; MN 140). Bài kinh rất quan trọng này đã được Phật nói cho vị tu sĩ **Pukkusāti** (như đã được kể trước đây trong Chương II), người mà Đức Phật gặp trong căn chòi của xưởng gốm vào cái đêm yên tĩnh đó, và lúc đó Phật đã nhận thấy anh ta là có trí và chân thành. Điều cốt lõi của những phần trong kinh đó ghi như sau:

“Một người được cấu tạo bởi sáu yếu-tố: thể cứng (đất), thể lỏng (nước), thể nhiệt (lửa), thể động (gió), không gian và thức. Người ấy phân tích chúng và nhận thấy rằng không yếu-tố nào trong chúng là cái ‘ta’ hay ‘của-ta’ cả. Người ấy mới hiểu rằng thức xuất hiện (sinh) và biến mất (diệt) như thế nào, những cảm-giác dễ chịu, khó chịu và trung tính xuất hiện (sinh) và

biến mất (diệt) như thế nào. Sau khi biết được như vậy, tâm người ấy được giải thoát, buông xả. Rồi người đó tìm thấy bên trong mình một sự Buông-Xả tinh khiết (*Upekkhā*) mà người đó có thể hướng (tâm) tới sự chứng đắc bất kỳ trạng thái tâm linh cao siêu nào, và người đó biết rằng như vậy sự buông-xả tinh khiết ấy có thể kéo dài trong một thời gian lâu.”¹⁴ Nhưng rồi người đó nghĩ:

“Nếu tôi hội tụ (chú hướng, hướng) sự buông-xả thanh khiết và vô nhiễm này vào cảnh xứ không gian vô-biên (không vô biên xứ) và phát triển một cái tâm hướng theo đó, thì đó cũng chỉ là một sự tạo-tác của tâm (*samkhatam*).”¹⁵

“Nếu tôi hội tụ sự buông-xả thanh khiết và vô nhiễm này vào cảnh xứ thức vô-biên (thức vô biên xứ) ... vào cảnh xứ trống-không (vô sở-hữu xứ) ... vào cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ) và phát triển một cái tâm hướng theo đó, thì đó cũng chỉ là một sự tạo-tác của tâm (*samkhatam*).”

¹⁴ (Chữ *Upekkha* = Upa: vô tư, -ikkha: thấy, nhìn): có nghĩa là: nhìn sự vật diễn tiến một cách vô tư; đó là sự xả-bỏ, sự buông-xả; đó là tâm tính thứ tư trong *Tứ Vô Lượng Tâm*: Từ, Bi, Hỷ, Xả.)

¹⁵ Lưu ý, tất cả những trạng thái tâm linh và huyền vi (như các tầng chứng đắc thiên định), tuy có thể là thanh khiết và cao siêu, đều là *những sự tạo-tác của tâm*, còn bị chi phối bởi các điều-kiện (hữu vi, *samkhata*). Chúng không phải là một Thực Tại vô vi, không phải là Chân Lý (*sacca*).

“Vậy thì lúc đó, người đó không còn tạo-tác về tâm, cũng không ý-muốn sự liên-tục và trở-thành (*bhava*, hiện-hữu) hay sự diệt-vong (*vi-bhava*, sự không hiện-hữu).¹⁶

“Bởi do người đó không còn tạo-tác, cũng không ý-muốn sự liên-tục và trở-thành hay sự diệt-vong, nên người đó không còn dính-chấp vào thứ gì trong thế giới; và khi người đó không dính-chấp thứ gì trong thế giới, người đó không còn lo-âu (khích động); khi người đó không còn lo-âu, người đó đượvj hoàn toàn tĩnh-lặng ở bên trong [tức là đã hoàn thối tắt bên trong, *paccattam yeva parininibbayati*]. Và người đó biết rằng: ‘*Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn gì phải làm nữa.*’¹⁷

“Bây giờ, khi người đó trải nghiệm một cảm-giác sướng [dễ chịu], khổ [khó chịu] hoặc trung tính [không sướng không khổ], người đó biết rằng nó là vô-thường, rằng nó không còn trói buộc mình, rằng nó không còn được ném trải bằng sự mê-thích nữa. Dù là cảm-giác gì, người đó chỉ trải nghiệm nó chứ không bị dính mắc theo nó (*visamyutto*). Người đó biết được rằng tất cả những cảm-nhận đó sẽ bị làm vắng-lặng khi cùng với sự tan tã của thân, giống như ngọn lửa sẽ tắt đi khi dầu cạn tim hết.

“Do vậy, này Tỳ kheo, một người được phú như vậy là được phú với trí-tuệ tuyệt đối, bởi vì trí-biết về sự chấm-dứt sự *Khổ* (*dukkha*) là loại trí-tuệ thánh thiện tuyệt đối.

¹⁶ Điều này có nghĩa rằng người đó không tạo ra nghiệp mới, bởi vì giờ đây anh ta giải thoát khỏi dục-vọng, tham-muốn, sự cố-ý (tư).

¹⁷ Có nghĩa lúc này người đó đã thành một A-la-hán.

“Sự giải-thoát của người đó, được dựa trên Sự Thật, là không thể lay chuyển. Nay Tỳ kheo, rằng thứ không phải thực-tại (*mosadhamma*) là sai giả; rằng thứ thực-tại (*amoshadhamma*) là Niết-bàn, là Sự Thật (*Sacca*). Do vậy, nay Tỳ kheo, một người được phú như vậy là được phú với Sự Thật Tuyệt Đối này. Bởi vì, Sự Thật Thánh Thiện Tuyệt Đối (*paramam ariya-saccam*) này là Niết-bàn, là Thực-Tại.”

+ Trong những lần thuyết giảng khác, Đức Phật trước sau cũng đều sử dụng từ “*Sự Thật*” để thay cho “*Niết-bàn*”:

“Ta sẽ dạy cho các thầy Sự Thật và Con Đường dẫn đến Sự Thật”.¹⁸ – thì ở đây nhưt định chữ “*Sự Thật*” có nghĩa là “*Niết-bàn*”.

+ Bây giờ, Sự Thật Tuyệt Đối nghĩa là gì? Theo Phật giáo: “Sự Thật Tuyệt Đối là rằng không có điều gì là tuyệt đối trong thế giới, rằng mọi thứ đều là tương đối, có điều-kiện (hữu vi) và vô-thường; và rằng không có một thực-chất nào không thay đổi, thường hằng, tuyệt đối như là một cái ‘Ta’ (bản ngã), một ‘Linh hồn’ hay một Atman nào ở bên trong hay bên ngoài. Đây chính là Sự Thật Tuyệt Đối. Đã là Sự Thật thì không bao giờ là là phủ-định, mặc dù có một sự diễn đạt phổ biến như sự thật phủ định. Sự chứng ngộ Sự Thật này, tức là nhìn thấy mọi sự “đúng như chúng thực là” (*yathābhūtam*) chứ không còn ảo-tưởng hay vô-minh (*avijja*),¹⁹ là sự dập tắt dục-vọng (*tanhākkhaya*), và là sự chấm-dứt (*nirodha*) Khổ, đó là Niết-bàn.

¹⁸ S V (PTS), trang 369.

¹⁹ Đối chiếu kinh *Lăng-Già* (Lanka), trang 200: “Này Mahamati, Niết Bàn nghĩa là nhìn thấy trạng thái của mọi sự ‘đúng như chúng thực là.’”

Một điều thú vị và hữu ích để nhớ là: quan điểm của Phật giáo Đại thừa thì “Niết-bàn là không khác với luân-hồi sinh tử (*samsāra*)”.²⁰ Cũng như vậy, Niết-bàn hay luân-hồi sinh tử chỉ là một, tùy theo cách nhìn của bạn—là chủ-quan (*mê chấp*) hay khách-quan (*tỉnh ngộ*). Quan điểm này của Đại thừa có lẽ đã được phát triển từ những ý-tưởng được thấy có trong các kinh Pāli của Phật giáo Nguyên thủy (*Theravada*) mà ta vừa thảo luận ngắn gọn kể trên.

Tuy nhiên, nếu nghĩ rằng Niết-bàn là kết quả tự nhiên của sự dập tắt dục-vọng thì lại là không đúng! Niết-bàn không phải là kết quả của bất cứ điều gì. Giả sử, nếu như Niết-bàn là một kết quả thì đúng lẽ nó phải là một quả của nhân (*theo lý nhân-quả*); và nếu vậy thì theo lý nó là hữu-vi (*samkhata*), là một hệ quả tác động của một nhân mà có. Nhưng Niết-bàn không phải là nhân hay quả. Niết-bàn vượt ra ngoài lý nhân và quả. *Sự Thật (Chân Lý) thì không phải là một kết quả hay hệ quả của thứ gì*. Niết-bàn thì không phải được tạo ra như một trạng thái tâm linh huyền vi giống như trạng thái của các tầng thiền định (*jhana hay samādhi*). CHÂN LÝ LÀ CHÂN LÝ. NIẾT-BÀN LÀ NIẾT-BÀN. Điều duy nhất bạn có thể làm là nhìn-thấy nó, chứng ngộ nó.

Có một Con Đường (đạo) dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn. Nhưng Niết-bàn không phải là kết quả của Con Đường này.²¹ Bạn

²⁰ Ngài Long Thọ (Nagarjuna) đã nói rõ rằng: “Luân hồi sinh tử không gì khác với Niết Bàn và Niết Bàn không gì khác với Luân hồi sinh tử”. (Madhya, Kari XXV, 19).

²¹ Một điều rất hữu ích nên nhớ: Trong *Chín Pháp Siêu Việt (navalo-kuttara-dhamma)*, Niết-bàn là siêu việt, vượt trên cả Thánh Đạo (magga Đạo) và Thánh Quả (phala).

có thể leo lên núi theo một con-đường, nhưng ngọn núi không phải là kết quả hay là một cái gì do con-đường tạo ra. Bạn có thể nhìn thấy ánh sáng, nhưng ánh sáng không phải là kết quả của con mắt của bạn. *(Núi là như vậy. Ánh sáng là như vậy. Bạn phải leo lên đỉnh núi hoặc phải nhìn thấy ánh sáng. Dù bạn có leo hay nhìn, hoặc không leo không nhìn, thì núi vẫn là núi, ánh sáng vẫn là ánh sáng. Đó là Sự Thật, Chân Lý, là Hiện Thực chứ không phải là một kết quả của một sự ‘leo’ hay ‘nhìn’ nào cả.)*

+ Nhiều người vẫn thường hỏi: Vậy sau Niết-bàn là đến cái gì? Câu hỏi này không thể nào nên đặt ra, bởi vì Niết-bàn là *Sự Thật Tột Cùng*. Và khi nó đã là Tột Cùng (tối hậu), thì chẳng có gì còn ở sau nó nữa. Nếu có bất cứ gì ở sau Niết-bàn, thì chính cái đó mới là Sự Thật Tột Cùng chứ không phải Niết-bàn.

Một du sĩ tên Radha đặt câu hỏi này với Đức Phật theo một cách khác: “Mục-đích (hay kết cuộc) của Niết-bàn là gì?”. Câu hỏi này đã có ý giả định trước là có một cái gì đó *sau Niết-bàn*, do nó cứ chỉ về ‘cái’ mục-đích hay kết-cuộc đối với Niết-bàn. Vì vậy, Đức Phật trả lời ông ta rằng:

“Này Rādhā, câu hỏi này không thể bắt được giới hạn của nó, (tức là câu hỏi này không hợp lý, ngoài lẽ). Một người sống đời thánh thiện coi Niết-bàn như là cú nhảy cuối cùng [vào Sự Thật Tuyệt Đối] như là mục tiêu, là kết-cuộc tối hậu (của đời sống thánh thiện đó).”²²

+ Một số diễn dịch phổ biến nhưng không đúng như: “Đức Phật nhập vào Niết-bàn” hay “Phật đã nhập Đại-Niết-bàn sau khi

²² S III (PTS) trang 189.

Phật mát” ... đã làm phát sinh rất nhiều sự tưởng-tượng và suy-đoán về Niết-bàn.²³

Một khi bạn nghe “*Đức Phật nhập vào Niết-bàn* hay *Bát-Niết-bàn*”, thì bạn sẽ coi Niết-bàn là một ‘trạng thái’ hay một ‘địa hạt’, một ‘nước’, một ‘cõi’, hay một ‘cảnh giới’ mà ở đó có nhiều thứ hiện hữu, rồi sau đó bạn lại cố gắng hình dung tưởng tượng ra cái ‘cảnh giới’ đó theo ý nghĩa và khái niệm của thế gian mà bạn đang dùng ở trần gian bạn đang sống. Cách nói “*nhập*”, “*đi vào Niết-bàn*” là hoàn toàn không có ghi trong 03 Tạng kinh điển của Phật giáo nguyên thủy. Trong kinh văn Phật giáo không hề có chữ nào gọi là “*vào, nhập, hoặc nhập vào Niết-bàn sau khi chết*”.

Có một chữ là “*Parinibbuto*” đã được dùng để chỉ về cái chết của một vị Phật hay vị A-la-hán đã chứng ngộ Niết-bàn, nhưng nó cũng không có nghĩa là “*nhập vào Niết-bàn*”. “*Parinibbuto*” chỉ có nghĩa là: “*hoàn toàn biến mất*” “*hoàn toàn bị thổi tắt*”, hay “*hoàn toàn tắt ngấm*”, bởi vì Phật hay một vị A-la-hán không còn sự tái hiện-hữu sau khi chết. (Lưu ý : nhà sư Tỳ Kheo Bò-Đề đã dịch chữ *Pari-nibbana* (*bát niết-bàn*) với nghĩa là ‘*Niết-bàn cuối cùng*’)

+ Rồi lại có câu hỏi khác được đặt ra là: “Điều gì xảy ra đối với một vị Phật hay một vị A-la-hán sau khi chết, sau *bát-Niết-bàn* (*parinibbana*)?”. Câu hỏi này cũng thuộc diện những câu hỏi không

²³ Nhiều người đã viết: “*sau Niết-bàn (Nibbana) của Đức Phật*” thay vì viết là: “*sau Bát-Niết-bàn (Parinibbana) của Đức Phật*”. Đúng ra, “*sau Niết Bàn (Nibbana) của Đức Phật*” thì không có nghĩa gì cả và cách diễn đạt này không có trong kinh văn Phật giáo. Trong các Tạng Kinh, lời diễn đạt luôn luôn là “*sau Bát-Niết-bàn của Đức Phật*” (tức là *sau khi Phật bát-niết-bàn=sau khi niết-bàn cuối cùng của Phật*).

được trả lời (*avyākata*).²⁴ Ngay cả khi Đức Phật nói về điều này, Phật muốn chỉ ra rằng không có ngôn từ nào trong vốn từ vựng của chúng ta có thể diễn tả được "điều gì" xảy ra đối với một vị A-la-hán sau khi chết.

Khi trả lời Vaccha, một du sĩ ngoại đạo, Phật nói rằng điều khoản "sinh" và "không sinh" không áp dụng cho vị A-la-hán vì những 'sắc, thọ, tưởng, hành, thức' liên kết với "sinh" và "không sinh" đã hoàn toàn bị tiêu diệt và nhỏ sạch tận gốc, không còn tái khởi sinh sau khi chết.²⁵

Một vị A-la-hán sau khi chết thường được so sánh như là 'một ngọn lửa tắt đi khi củi đốt đã cháy hết', hay như 'một ngọn đèn tắt đi khi dầu cạn, tim hết'.²⁶

Ở đây cần phải hiểu một cách rõ ràng, rạch ròi, không nhầm lẫn, rằng: Cái được ví với ngọn lửa hay ngọn đèn tắt đi cũng *không phải* là *Niết-bàn*, mà cái được ví với lửa tắt đi chính là cái 'con người' được cấu thành bởi Năm-Uân đã chứng ngộ Niết-bàn. Điểm này cần được nhấn mạnh vì rất nhiều người, ngay cả một số học giả uyên bác, đã hiểu lầm và diễn dịch sai 'ẩn-dụ để chỉ về Niết-bàn' này của Đức Phật. *Niết-bàn không bao giờ được so sánh với một ngọn lửa hay một ngọn đèn tắt đi!*

+ Một câu hỏi phổ biến nữa là: Nếu không có một cái 'Ta' hay một bản 'ngã' (*Atman*) thì 'ai' chứng ngộ Niết-bàn? Trước khi nói tiếp về *Niết-bàn*, chúng ta hãy tự hỏi một câu là: Nếu không có

²⁴ S IV (PTS) trang 375.

²⁵ M I (PTS), trang 486.

²⁶ Ibid. I, trang 487; III trang 245; Sn (PTS), Volume.232 (trang 41).

cái ‘Ta’, ‘ai’ đang nghĩ ngay bây giờ? Chúng ta đã biết được trước đây, rằng cái ý-nghĩ chính nó là người-nghĩ, rằng không có người-nghĩ đằng sau ý-nghĩ. Tương tự như vậy, chính “trí-tuệ Bát-nhã” (*pañña*), chính “sự chứng-ngộ” chứng ngộ Niết-bàn. Không có bất cứ ‘ai’ đằng sau sự chứng ngộ đó.

Khi chúng ta thảo luận trong chương trước về *nguồn-gốc của Khổ (dukkha)* chúng ta đã thấy rằng, bất cứ thứ gì — dù là một sự vật, một sự sống, hay một hệ thống — nếu nó thuộc bản chất khởi-sinh, thì cũng có trong nó bản chất mầm mống của sự chấm-dứt. (Cái gì có sinh là có diệt). Vậy bây giờ thì sự *Khổ (dukkha)*, vòng luân-hồi (*samsāra*) đều có tính chất khởi-sinh, thì theo lý đó tự có tính chất biến-diệt. Sự *Khổ (dukkha)* khởi-sinh là do có Dục-Vọng (*tanhā*) gây ra, và nó chấm-dứt được là do có Trí-Tuệ (*pañña*). "Dục-vọng" và "Trí-tuệ" đều nằm trong năm-Uẩn, như chúng ta đã biết trước đây.²⁷

Như vậy, mầm mống khởi sinh chúng cũng nằm trong năm-Uẩn và cũng như sự chấm-dứt của chúng cũng nằm trong năm-Uẩn. Đây là ý nghĩa chân thực của lời Phật dạy:

*“Chính ngay trong thân dài một fathom này (fathom là đơn vị đo chiều dài, khoảng 1.82m), ta tuyên bố về thế giới, về sự khởi-sinh của thế giới, về sự chấm-dứt của thế giới, và về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt thế giới.”*²⁸

Điều này có nghĩa rằng, tất cả bốn Sự Thật của Tứ Diệu Đế đều được tìm thấy trong năm-Uẩn, nghĩa là ngay bên trong ta. [Ở đây,

²⁷ Xem trang nói về “*Hành Uẩn*” trước đây. (Dục-vọng và trí-tuệ đều thuộc những sự tạo-tác của tâm, là hành uẩn.)

²⁸ A (Colombo, 1929) trang 218.

danh từ “thế giới” (*loka*) được Phật dùng thay cho danh từ *dukkha*: “khổ”. Điều này cũng có nghĩa rằng, không có một thế-lực nào bên ngoài tạo ra sự khởi-sinh và sự chấm-dứt của *Khổ*. (Không có một năng lực tạo hóa nào sinh *Khổ* và diệt *Khổ*.)

Khi trí-tuệ được tu tập và phát triển theo Tứ Diệu Đế [đề tài này sẽ được thảo luận bàn kế tiếp] thì trí-tuệ nhìn thấy được bí-mật của sự-sống, nhìn thấy thực-chất của mọi sự ‘*đúng như chúng thực là*’. Khi bí mật đã được khám phá, khi Sự Thật đã được nhìn thấy, thì tất cả những nguồn-lực [vốn đã mạnh mẽ tạo ra sự liên-tục của vòng luân-hồi sinh-tử trong mê-tưởng vô-minh] sẽ trở nên vắng-lặng, không còn khả năng để tạo tác nghiệp; bởi vì không còn mê-tưởng vô-minh nên không còn dục-vọng muốn liên-tục (hiện hữu) nữa. Giống như một căn bệnh về tâm sẽ được chữa trị chấm dứt sau khi nguyên-nhân hay bí mật của căn bệnh tâm thần đó được khám phá và nhìn thấy bởi bệnh nhân đó.

+ Trong hầu hết mọi tôn giáo, “*hạnh-phúc siêu việt*” (chữ La-tinh “*summum bonum*”) thì chỉ có thể đạt được sau khi chết. Nhưng *Niết-bàn* thì có thể được chứng ngộ ngay trong đời này, không cần phải đợi đến lúc chết mới “đạt” được hay ném trải được nó.

Người đã chứng ngộ được Sự Thật, *Niết-bàn*, là người hạnh-phúc nhất thế gian. Người đó đã thoát khỏi “những phức-tạp”, những ám-muội, những sự bất-an và sự trói-buộc gây phiền khổ cho con người. Người đó có được ‘sức-khỏe tâm’ hoàn hảo. Người đó không hối tiếc quá-khứ, không bận tâm về tương-lai, mà sống trọn vẹn trong hiện-tại.²⁹

²⁹ S I (PTS) trang 5.

Do vậy, người đó trân trọng và vui sống mọi-sự theo một cảm-nhận tinh khiết nhất, không có sự tự mình phóng tâm này nọ. Người đó vui tươi, hoan hỷ, vui sống sự-sống thanh tịnh, với các giác-quan dễ chịu, không còn âu-lo, được tĩnh-lặng và bình-an.³⁰ Do người đó không-còn những sự tham, sân, si đầy ích kỷ, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự tự-cao tự-đại, và tất cả những "ô-nhiễm" như vậy, cho nên người đó trong-sạch (thanh tịnh) và hiền-từ (nhẹ nhàng), đầy lòng từ-bi bao quát, sự tử tế, sự thông cảm, sự thấu-hiểu và sự bao-dung. Sự phục-vụ của người đó cho tha nhân là thanh-khiết nhất, vì người đó đã không còn ý-nghĩ nào về cái 'Ta' (đã phá ngã). Người đó không sở đắc thêm gì, không tích lũy thêm gì, ngay cả những thứ thuộc về tâm linh, bởi vì người đó đã thoát khỏi cái ảo tưởng về cái 'Ta' và đã thoát khỏi mọi 'dục-vọng' muốn trở-thành này nọ.

+ Niết-bàn vượt trên mọi ngôn từ của nhị nguyên và so sánh đối đãi. Nó vượt khỏi những quan-niệm của chúng ta về xấu tốt, đúng sai, hiện-hữu hay không hiện-hữu, có hay không có. Ngay cả chữ "hạnh-phúc" (*sukha*) được dùng để mô tả Niết-bàn cũng hoàn toàn mang một nghĩa khác biệt ở đây (so với nghĩa phàm thường thế gian của nó). Ngài Xá-Lợi-Phất một hôm nói rằng: "*Này các đạo hữu, Niết-bàn là hạnh phúc! Niết-bàn là hạnh phúc!*". Khi đó ngài Udāyi mới hỏi lại: "*Nhưng, này thầy Xá-Lợi-Phất, có thể nào có hạnh-phúc gì khi không có cảm-giác?*". Câu trả lời của ngài Xá-Lợi-Phất, rất thâm thúy về mặt triết học và vượt khỏi trên sự hiểu-biết phàm thường, như sau: "*Chính cái sự không còn cảm-giác đó mới là hạnh-phúc!*"

³⁰ M II (PTS) trang 121.

+ Niết-bàn vượt khỏi những logic và lý giải (*atakkāvacara*). Tuy nhiên, nhiều lúc chúng ta tham gia vào [thường chỉ như là trò tiêu khiển vô ích của trí thức hàn lâm] những thảo luận đầy tính suy đoán về Niết-bàn, về Sự Thật Tột Cùng hay Thực Tại, thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ hiểu được nó theo cách đó. Một đứa bé trong nhà trẻ không nên tranh cãi về vấn đề *Thuyết Tương Đối* (một học thuyết nổi tiếng của nhà bác học Einstein). Thay vì vậy, nếu cậu bé cứ theo đuổi sự học tập của mình một cách kiên-nhẫn và chuyên-cần, một ngày nào đó cậu ta sẽ hiểu được *Thuyết Tương Đối* cao siêu đó.

Niết-bàn chỉ “được chứng ngộ bởi những người có trí ngay bên trong họ” (*paccattam veditabbo viññūhi*). Nếu chúng ta đi theo *Con Đường* (Đạo) một cách kiên-nhẫn, với sự chuyên-cần, cùng với sự nỗ-lực (tinh tấn), tu tập và thanh lọc bản thân một cách nhiệt thành, và đạt tới những chứng-đắc tâm linh cần thiết (như các tầng thiền định, những thánh đạo và quả), thì một ngày nào đó chúng ta có thể tự mình chứng ngộ Niết-bàn ngay bên trong mình—không cần bây giờ cứ làm khổ tâm mình bằng những ngôn từ đánh đố và cao siêu (về Niết-bàn) như vậy.

+ Và bây giờ, chúng ta hãy bước qua phần *Con-Đường* dẫn đến sự chứng ngộ *Niết-bàn*.